

**Phụ lục I**  
**PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ TỈNH CAO BẰNG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên đơn vị hành chính	Hiện trạng 2020		Giai đoạn 2021-2030		Ghi chú
		Tên đô thị	Loại đô thị	Tên đô thị	Loại đô thị	
1	Thành phố Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	III	Thành phố Cao Bằng	II	Đô thị loại II.
2	Huyện Bảo Lâm	Thị trấn Pác Miầu	V	Thị trấn Pác Miầu	V	Thị trấn huyện lỵ. Đô thị loại V.
3	Huyện Bảo Lạc	Thị trấn Bảo Lạc	V	Thị trấn Bảo Lạc	V	Thị trấn huyện lỵ. Đô thị loại V.
4	Huyện Hà Quảng	Thị trấn Thông Nông	V	Thị trấn Thông Nông	V	Đô thị loại V.
		Thị trấn Xuân Hòa	V	Thị trấn Xuân Hòa	V	Thị trấn huyện lỵ. Đô thị loại V.
				Thị trấn Sóc Giang	V	Thị trấn mới, đô thị loại V.
5	Huyện Trùng Khánh	Thị trấn Trà Lĩnh	V	Thị trấn Trà Lĩnh	V	Đô thị loại V.
		Thị trấn Trùng Khánh	V	Thị trấn Trùng Khánh	IV	Thị trấn huyện lỵ. Đô thị loại IV.
				Thị trấn mới Bản Giốc	V	Thị trấn mới, đô thị loại V.
6	Huyện Hạ Lang	Thị trấn Thanh Nhật	V	Thị trấn Thanh Nhật	V	Thị trấn huyện lỵ. Đô thị loại V.
7	Huyện Quảng Hòa	Thị trấn Quảng Uyên	V	Thị trấn Quảng Uyên	IV	Thị trấn huyện lỵ. Đô thị loại IV.
		Thị trấn Hòa Thuận	V	Đô thị Phục Hòa	IV	Đô thị loại IV.
		Thị trấn Tà Lùng	V			

TT	Tên đơn vị hành chính	Hiện trạng 2020		Giai đoạn 2021-2030		Ghi chú
		Tên đô thị	Loại đô thị	Tên đô thị	Loại đô thị	
8	Huyện Hòa An	Thị trấn Nước Hai	V	Thị trấn Nước Hai	IV	Thị trấn huyện lỵ. Đô thị loại IV.
9	Huyện Nguyên Bình	Thị trấn Nguyên Bình	V	Thị trấn Nguyên Bình	V	Thị trấn huyện lỵ. Đô thị loại V.
		Thị trấn Tĩnh Túc	V	Thị trấn Tĩnh Túc	V	Đô thị loại V
				Thị trấn mới Phja Đén	V	Thị trấn mới, đô thị loại V.
10	Huyện Thạch An	Thị trấn Đông Khê	V	Thị trấn Đông Khê	V	Thị trấn huyện lỵ. Đô thị loại V.

**Ghi chú:**

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.
- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục II**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP  
TỈNH CAO BẰNG THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên khu công nghiệp	Vị trí	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Các khu công nghiệp theo chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ</b>		<b>197</b>	
<b>I</b>	<b>Mở rộng các KCN</b>		<b>120</b>	
	KCN Chu Trinh	TP. Cao Bằng	120	
1	Quy mô diện tích hiện có		81	
2	Quy mô diện tích mở rộng		39	
<b>II</b>	<b>Quy hoạch mới các KCN</b>		<b>77</b>	
	KCN Đông Khê	Huyện Thạch An	77	
<b>B</b>	<b>Các khu công nghiệp khi tỉnh được điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu đất KCN trong quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất</b>		<b>650</b>	
<b>I</b>	<b>Mở rộng các KCN</b>		<b>200</b>	
	KCN Chu Trinh	TP. Cao Bằng	200	
1	Quy mô diện tích hiện có		81	
2	Quy mô diện tích mở rộng		119	
<b>II</b>	<b>Quy hoạch mới các KCN</b>		<b>450</b>	
1	KCN Đông Khê	Huyện Thạch An	150	
2	KCN Chu Trinh 2	TP. Cao Bằng	150	
3	KCN Tiên Thành	Huyện Quảng Hòa	150	

**Ghi chú:** Đối với các khu công nghiệp quy hoạch mới, địa điểm, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

**Phụ lục III**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP**  
**TỈNH CAO BẰNG THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên cụm công nghiệp	Vị trí	Diện tích dự kiến (ha)
<b>I</b>	<b>Cụm công nghiệp đã quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 đưa vào phương án phát triển giai đoạn 2021 - 2030</b>		<b>240</b>
1	CCN Hưng Đạo ( <i>mở rộng thêm 55 ha</i> )	TP. Cao Bằng	70
2	CCN Miền Đông I	Huyện Quảng Hòa	75
3	CCN Thông Huệ ( <i>mở rộng thêm 35 ha</i> )	Huyện Trùng Khánh	50
4	CCN Trà Lĩnh ( <i>mở rộng thêm 35 ha</i> )	Huyện Trùng Khánh	45
<b>II</b>	<b>Cụm công nghiệp thành lập mới</b>		<b>338,3</b>
1	CCN Bạch Đằng	Huyện Hòa An	50
2	CCN Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh	30
3	CCN Tĩnh Túc	Huyện Nguyên Bình	30
4	CCN Bảo Lâm	Huyện Bảo Lâm	30
5	CCN Thông Nông	Huyện Hà Quảng	15
6	CCN Bảo Lạc	Huyện Bảo Lạc	30
7	CCN kho vận cửa khẩu	Huyện Quảng Hòa	60
8	CCN chế biến nông, thủy sản	Huyện Quảng Hòa	18,5
9	CCN chế biến lâm sản, nội thất, đồ gia dụng	Huyện Quảng Hòa	36,6
10	CCN chế biến nông sản Đại Sơn	Huyện Quảng Hòa	38,2

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm thành lập.

**Phụ lục IV**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU, ĐIỂM DU LỊCH TRỌNG ĐIỂM  
TỈNH CAO BẰNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Địa điểm</b>
1	Khu du lịch thác Bản Giốc - động Ngườm Ngao	Huyện Trùng Khánh
2	Khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó	Huyện Hà Quảng
3	Khu di tích Quốc gia đặc biệt Chiến thắng Biên giới năm 1950	Huyện Thạch An
4	Khu di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo	Huyện Nguyên Bình
5	Khu du lịch Hồ Thằng Hen, động Giộc Đâu	Huyện Trùng Khánh
6	Khu Du lịch sinh thái Suối Cũn	Huyện Hòa An
7	Khu du lịch Hòa An	Huyện Hòa An

**Ghi chú:** Các khu, điểm du lịch khác sẽ được xác định tại các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch đô thị, nông thôn. Tên, vị trí, quy mô, phạm vi ranh giới, diện tích cụ thể các dự án du lịch sẽ được xác định trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư.

**Phụ lục V**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ**  
**TỈNH CAO BẰNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

**1. CAO TỐC, QUỐC LỘ**

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Dự kiến quy mô (cấp đường/làn xe)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cao tốc (02 tuyến)</b>				
1	Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) (thuộc CT.10)	Đồng Đăng (Lạng Sơn)	Trà Lĩnh (Cao Bằng)	CT 4 làn	
2	CT Bắc Kạn - Cao Bằng (thuộc CT.07)	Tỉnh Bắc Kạn	H. Quảng Hoà (Cao Bằng)	CT 4 làn	Thực hiện sau năm 2030. Trong trường hợp huy động được nguồn lực, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép chấp thuận cho đầu tư trước năm 2030
<b>II</b>	<b>Quốc lộ hiện tại (06 tuyến)</b>				
1	Quốc lộ 3	H. Nguyên Bình (giáp tỉnh Bắc Kạn)	H. Quảng Hòa	Cấp IV-III	
2	Quốc lộ 4A	H. Thạch An (giáp tỉnh Lạng Sơn)	H. Bảo Lạc	Cấp IV-III	
3	Quốc lộ 4C	Niêm Sơn, H. Bảo Lâm (giáp tỉnh Hà Giang)	H. Bảo Lâm	Cấp IV	
4	Quốc lộ 34	Pác Nhùng, H. Bảo Lâm (giáp tỉnh Hà Giang)	CK Trà Lĩnh, H. Trùng Khánh	Cấp IV	
5	Quốc lộ 34B	H. Thạch An	Ngã 3 Suối Cùn, H. Hòa An	Cấp IV	
6	Đường Hồ Chí Minh (và tuyến nhánh)	Pác Bó, H. Hà Quảng	Khâu Hân, TP. Cao Bằng	Cấp III	

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Dự kiến quy mô (cấp đường/làn xe)	Ghi chú
<b>III</b>	<b>Quốc lộ mới (01 tuyến)</b>				
	Quốc lộ 3C	H. Bảo Lạc (giáp tỉnh Bắc Kạn)	Giao QL.34, H. Bảo Lạc	Cấp IV	

## 2. ĐƯỜNG TỈNH

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Dự kiến Quy mô (cấp đường)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Đường tỉnh hiện tại</b>				
1	Đường tỉnh 201 (Hoa Thám - Nà Bao - Hồng Việt - Nguyễn Huệ)	H. Hoà An	H. Nguyên Bình	Cấp IV	
2	Đường tỉnh 202 (Ca Thành - Mốc 589 và nhánh Lũng Pán - Bản Riễn)	H. Nguyên Bình	Mốc 589, H. Bảo Lạc	Cấp IV	
3	Đường tỉnh 203 (Bằng Giang - Cao Bình)	TP. Cao Bằng	H. Nguyên Bình	Cấp IV	
4	Đường tỉnh 204 (Năm Thoong - Thông Nông - Càn Yên)	H. Hoà An	H. Hà Quảng	Cấp III, IV	
5	Đường tỉnh 205 (Quảng Uyên - Tà Lùng)	TT. Quảng Uyên, H. Quảng Hòa	TT. Tà Lùng, H. Quảng Hòa	Cấp IV	
6	Đường tỉnh 206 (Quảng Uyên - Trùng Khánh - Minh Long)	H. Quảng Hòa	H. Hạ Lang	Cấp IV	
7	Đường tỉnh 207 (Tà Phầy - Hạ Lang - Lý Vạn)	H. Quảng Hòa	Cửa khẩu Lý Vạn, H. Hạ Lang	Cấp IV	
8	Đường tỉnh 207A (Thanh Nhật - CK Hạ Lang)	TT Thanh Nhật, H. Hạ Lang	Cửa khẩu Hạ Lang, H. Hạ Lang	Cấp IV	
9	Đường tỉnh 208 (Đông Khê - Chí Viễn)	H. Hạ Lang	H. Trùng Khánh	Cấp IV	
10	Đường tỉnh 209 (Tân An - Đông Khê)	TP. Cao Bằng	H. Thạch An	Cấp IV	

<b>TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Điểm đầu</b>	<b>Điểm cuối</b>	<b>Dự kiến Quy mô (cấp đường)</b>	<b>Ghi chú</b>
11	Đường tỉnh 209A (Đường tỉnh 209 - Cổng trời Quang Trọng)	Km34 ĐT.209, xã Quang Trọng, H. Thạch An	xã Quang Trọng, H. Thạch An (giáp tỉnh Bắc Kạn)	Cấp IV	
12	Đường tỉnh 210 (Đức Xuân - Tà Lùng - Thị Hoa - Lý Quốc - Minh Long)	H. Thạch An	H. Hạ Lang	Cấp IV	Đường tuần tra biên giới
13	Đường tỉnh 211 (bàn giao QL.4A 2022)	TT. Trà Lĩnh, H. Trùng Khánh	TT. Trùng Khánh, H. Trùng Khánh	Cấp IV	
14	Đường tỉnh 212 (Ngã 3 Pắc Bó - Nà Bản)	Ngã ba Pắc Bó, H. Nguyên Bình	Nà Bản, H. Nguyên Bình	Cấp IV	
15	Đường tỉnh 213 (Trùng Khánh - Pò Peo)	TT. Trùng Khánh, H. Trùng Khánh	Cửa khẩu Pò Peo, H. Trùng Khánh	Cấp IV	
16	Đường tỉnh 214 (Nà Giàng - Quang Hán)	Nà Giàng, H. Hà Quảng	H. Trùng Khánh	Cấp IV, V	
17	Đường tỉnh 215 (Thông Nông - Pác Nhùng)	H. Hà Quảng	H. Bảo Lâm	Cấp V	
18	Đường tỉnh 215A (Hồng An - Xuân Trường)	Xã Hồng An, H. Bảo Lạc	Xã Xuân Trường, H. Bảo Lạc	Cấp V	
19	Đường tỉnh 216 (Nước Hai - đèo Cao Bắc)	H. Hòa An	H. Nguyên Bình	Cấp IV	
20	Đường tỉnh 217 (Bảo Lạc - Cốc Pàng)	TT. Bảo Lạc, H. Bảo Lạc	Cốc Pàng, H. Bảo Lạc	Cấp V	
21	Đường tỉnh 218 (Thành Công - Mai Long)	Xã Thành Công, H. Nguyên Bình	Xã Mai Long, H. Nguyên Bình	Cấp V	
22	Đường tỉnh 219 (Kim Đồng - Lê Lai)	Tát Trà, xã Kim Đồng, H. Thạch An	Nà Cốc, xã Lê Lai, H. Thạch An	Cấp V	
23	Đường tỉnh 220 (Tân Việt - Ngọc Long)	Xã Tân Việt, H. Bảo Lâm	Xã Nam Cao, H. Bảo Lâm	Cấp V	
24	Đường tỉnh Đôn Chương - Sóc Hà	Đôn Chương, H. Hà Quảng	Xã Sóc Hà, H. Hà Quảng	Cấp IV	
25	Đường Gia Cung - Pháo Đài - Bệnh Viện	Đầu cầu Gia Cung	Công bệnh viện đa khoa tỉnh	Đường đô thị	



TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Dự kiến Quy mô (cấp đường)	Ghi chú
26	Đường Khau Hân - Bản Gùn	Ngã ba Khau Hân, TP. Cao Bằng (giao cắt QL3)	Đầu cầu Bằng Giang và đầu cầu Nà Cạn, TP. Cao Bằng	Đường đô thị	
27	Đường Tân An	Ngã ba rạp hát ngoài trời (phố Kim Đồng), TP. Cao Bằng	Cầu Cáp cũ, TP. Cao Bằng (giao với đường nối QL4A-QL3)	Đường đô thị	
28	Đường nội thị Bảo Lạc (QL 34 cũ)	TT. Bảo Lạc, H. Bảo Lạc	TT. Bảo Lạc, H. Bảo Lạc	Đường đô thị	
29	Đường nối ĐT.208 (QL.4A mới) - cửa khẩu Nà Lạn xã Đức Long	Xã Thụy Hùng, H. Thạch An	Xã Đức Long, H. Thạch An	Cấp IV	
<b>II</b>	<b>Đường tỉnh mới</b>				
1	Đường kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)	TP. phố Cao Bằng	H. Thạch An	Cấp III, 2-4 làn xe	
2	Đường tỉnh 204A (Dân Chủ - Xuân Hoà)	Cầu Mỏ Sắt, H. Hà Quảng	Thị trấn Xuân Hòa, H. Hà Quảng	Cấp IV	
3	Đường tỉnh 206A (Đức Hồng - Cao Thăng - Phong Châu)	Xã Đức Hồng, H. Trùng Khánh	Xã Phong Châu, H. Trùng Khánh	Cấp V	
4	Đường tỉnh 208 (QL4A, Phong Châu - ĐT.213, Đình Phong)	Xã Phong Châu, H. Trùng Khánh	Xã Đình Phong, H. Trùng Khánh	Cấp V	
5	Đường tỉnh 214 (Ngọc Đào - Xuân Hòa)	Xã Ngọc Đào, H. Hà Quảng	Thị trấn Xuân Hòa, H. Hà Quảng	Cấp V	
6	Đường tỉnh 215B (Yên Thổ đi Công Bằng) (trùng Yên Thổ - Bản Búng)	Xã Yên Thổ, H. Bảo Lâm	Xã Yên Thổ, H. Bảo Lâm (giáp tỉnh Bắc Kạn)	Cấp V	
7	Đường tỉnh 215B (Yên Thổ đi Đường Âm)	Xã Yên Thổ, H. Bảo Lâm	Xã Yên Thổ, H. Bảo Lâm (giáp tỉnh Hà Giang)	Cấp V	
8	Đường tỉnh 215B (Yên Thổ đi Nhạn Môn)	Xã Yên Thổ, H. Bảo Lâm	Xã Yên Thổ, H. Bảo Lâm (giáp tỉnh Bắc Kạn)	Cấp V	

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Dự kiến Quy mô (cấp đường)	Ghi chú
9	Đường tỉnh 218A (Thành Công - Hưng Đạo - Tam Kim - ĐT.216)	Xã Thành Công, H. Nguyễn Bình	Xã Tam Kim, H. Nguyễn Bình	Cấp V	
10	Đường tỉnh 221 (Nà Pồng - Đức Hạnh)	Xã Đức Hạnh, H. Bảo Lâm	Xã Lý Bôn, H. Bảo Lâm	Cấp V	
11	Đường tỉnh 221A (Bảo Toàn - Đức Hạnh)	H. Bảo Lạc	H. Bảo Lâm	Cấp V	
12	Đường tỉnh 222 (Bản Đe - Thạch Lâm - Du Tiến)	Xã Quảng Lâm, H. Bảo Lâm	Xã Thạch Lâm, H. Bảo Lâm (giáp tỉnh Hà Giang)	Cấp V	
13	Đường tỉnh 223 (Đường HCM - Nam Tuấn - Mã Ba - Hồng Sỹ - QL4A)	Xã Nam Tuấn, H. Hòa An	Xã Tổng Cọt, H. Hà Quảng	Cấp V	
14	Đường tỉnh 224 (QL4A - Trung Phúc - Đoàn Dương - ĐT.207 - An Lạc - Vĩnh Quý - QL4A - Thống Nhất)	H. Trùng Khánh	H. Hạ Lang	Cấp V	
15	Đường tỉnh 225 (Chu Trinh - Hồng Nam - Vân Trinh)	TP. Cao Bằng	H. Thạch An	Cấp V	
16	Đường tỉnh 225A (Hồng Nam - Tiên Thành - Hạnh Phúc - QL3)	H. Hòa An	H. Quảng Hòa	Cấp V	
<b>III</b>	<b>Đường tuần tra biên giới</b> (tuyến Bảo Lạc - Hà Quảng - Trùng Khánh)	H. Bảo Lạc	H. Trùng Khánh	Nền 5,5m	

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, chiều dài, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.
- Cấp đường và chiều dài xây dựng thực tế xác định theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Đối với các đoạn đường qua đô thị, quy mô xây dựng thực hiện theo quy hoạch đô thị.
- Các công trình giao thông khác (đường huyện, đường xã, đường nội thị) được xác định tại các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch đô thị, nông thôn.

**Phụ lục VI**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH CAO BẰNG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN**

TT	Tên công trình	Dự kiến địa điểm	Quy mô, công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
<b>I</b>	<b>Các dự án thủy điện đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chưa triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 - 2030</b>			<b>126,8</b>
1	Dự án thủy điện Bảo Lạc A	Huyện Bảo Lạc		30
2	Dự án thủy điện Thượng Hà	Huyện Bảo Lạc		13
3	Dự án thủy điện Pác Khuổi	Huyện Hòa An		7
4	Dự án thủy điện Hồng Nam	Huyện Hòa An		24
5	Dự án thủy điện Bản Ngà	Huyện Bảo Lạc		24
6	Dự án thủy điện Bản Riển	Huyện Bảo Lạc		18,6
7	Dự án thủy điện Khuổi Luông	Huyện Quảng Hòa		4,4
8	Dự án thủy điện Hoa Thám	Huyện Nguyên Bình		5,8
<b>II</b>	<b>Các dự án thủy điện tiềm năng (Dự kiến thu hút đầu tư các Nhà máy thủy điện: Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa; Thành Công, huyện Nguyên Bình; bản Chiếu huyện Nguyên Bình và các dự án thủy điện tiềm năng khác)</b>			<b>34</b>
<b>III</b>	<b>Các dự án điện gió tiềm năng (Dự kiến thu hút đầu tư các Nhà máy điện gió tại các huyện: Nguyên Bình, Trùng Khánh, Bảo Lạc, Thạch An và các dự án điện gió tiềm năng khác)</b>			<b>546</b>

**Ghi chú:**

- Các dự án thủy điện đang vận hành chỉ được thực hiện điều chỉnh công suất khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng các quy định về quy hoạch, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- Việc đầu tư các dự án đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chưa triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 – 2030, dự án nguồn điện có tiềm năng phát triển phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và các quy định khác có liên quan.

## II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TRẠM BIẾN ÁP 220KV, 110KV

TT	Trạm biến áp	Máy biến áp	Xây dựng mới (MVA)	Nâng công suất (MVA)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Giai đoạn 2021 - 2030</b>				
<b>I</b>	<b>Trạm biến áp 220kV</b>				
1	Cao Bằng	AT2		250	
2	Thủy điện Bản Ngà	T1	63		
3	Điện gió khu vực huyện Nguyên Bình	T1	90		
		T2	90		
4	Điện gió khu vực huyện Trùng Khánh	T1	250		
5	Điện gió số 1 khu vực huyện Bảo Lạc	T1	63		
6	Điện gió khu vực huyện Thạch An	T1	125		
<b>II</b>	<b>Trạm biến áp 110kV</b>				
1	Chu Trinh	T1	25	40	
		T2		40	
2	Hòa An	T1	25		
3	Trùng Khánh	T1	25		
4	Trà Lĩnh	T1	25		
5	Quảng Uyên	T2		40	
6	Cao Bằng	T2		63	

TT	Trạm biến áp	Máy biến áp	Xây dựng mới (MVA)	Nâng công suất (MVA)	Ghi chú
7	Thủy điện Thượng Hà	T1	17		
8	Thủy điện Bảo Lạc A	T1	20		
		T2	20		
9	Thủy điện Mỹ Hưng	T1	12,5		
10	Điện gió số 2 khu vực huyện Bảo Lạc	T1	63		
11	Hòa Thuận	T1	25		
12	Nguyên Bình	T1	25		
13	Thông Nông	T1	25		
14	Bảo Lâm	T2		25	
15	Niken Đồng	T1	25		
16	Hà Quảng	T1	25		
17	Thạch An	T1	25		
<b>B</b>	<b>Giai đoạn sau năm 2030</b>	Tiếp tục nâng cấp các trạm biến áp theo nhu cầu thực tế.			

**Ghi chú:** Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp phải căn cứ theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện phát triển thực tiễn và quy hoạch để lắp đặt máy biến áp phù hợp; đối với máy biến áp 110kV, tùy vào cấp điện áp trung áp khu vực đang sử dụng và phụ tải tại khu vực cấp điện để lắp đặt số cuộn dây và cấp điện áp phù hợp.

### III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC ĐƯỜNG DÂY 220KV, 110KV

TT	Tuyến đường dây	Tiết diện (mm <sup>2</sup> )	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài (km)	
<b>A</b>	<b>Giai đoạn 2021 - 2030</b>				
<b>I</b>	<b>Đường dây 220kV</b>				
<b>1</b>	<b>Xây dựng mới</b>				
1.1	Cao Bằng - Lạng Sơn	ACSR400	2	120	
1.2	Nhánh rẽ 220kV đầu nối thủy điện Bản Ngà chuyển tiếp trên đường dây 220kV Nho Quế 3 - Cao Bằng	ACSR400	2	1	
1.3	Nhánh rẽ 220kV đầu nối điện gió khu vực huyện Nguyên Bình chuyển tiếp trên đường dây 220kV Nho Quế 3 - Cao Bằng	ACSR400	2	5	
1.4	Nhánh rẽ 220kV đầu nối điện gió khu vực huyện Trùng Khánh chuyển tiếp trên đường dây 220kV Cao Bằng - Lạng Sơn	ACSR400	2	20	
1.5	Nhánh rẽ 220kV đầu nối điện gió số 1 khu vực huyện Bảo Lạc chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Lâm - Cao Bằng	ACSR400	2	5	
1.6	Nhánh rẽ 220kV đầu nối điện gió khu vực huyện Thạch An chuyển tiếp trên đường dây 220kV Cao Bằng – Lạng Sơn	ACSR400	2	10	
<b>2</b>	<b>Cải tạo</b>				
	Treo dây mạch 2 đường dây 220kV Cao Bằng - Bắc Kạn	ACSR400	1	71	
<b>II</b>	<b>Đường dây 110kV</b>				
<b>1</b>	<b>Xây dựng mới</b>				
1.1	Đường dây 110kV mạch kép từ trạm 220kV Cao Bằng – Cao Bằng	ACSR240	2	7	
1.2	Nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Chu Trinh đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Cao Bằng - Gang Thép Cao Bằng	ACSR240	2	2	
1.3	Nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Trùng Khánh đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Quảng Uyên - TĐ Bản Rạ	ACSR185	2	4	

TT	Tuyến đường dây	Tiết diện (mm <sup>2</sup> )	Quy mô		Ghi chú
1.4	Đường dây 110kV mạch đơn trạm 220kV Cao Bằng đến trạm 110kV Quảng Uyên, đoạn đầu đường dây dài 5,7km đi chung cột với đường dây 110kV từ trạm 220kV Cao Bằng đến trạm 110kV Cao Bằng	ACSR240	1	5,7 (treo dây); 32	
1.5	Đường dây 110kV từ trạm 220kV Cao Bằng - Hòa An	ACSR240	2	15	
1.6	Đường dây 110kV từ TBA 110kV Niken đồng đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV trạm 220kV Cao Bằng - Gang Thép Cao Bằng	ACSR185	2	6	
1.7	Nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Trà Lĩnh chuyển tiếp trên đường dây 110kV Cao Bằng - Quảng Uyên	ACSR185	2	10	
1.8	Đường dây 110kV Bảo Lâm - Bắc Mê (Hà Giang)	ACSR240	1	20	
1.9	Đường dây 110kV TĐ Thượng Hà - thủy điện Bảo Lạc B	ACSR240	1	7	
1.10	Đường dây 110kV TĐ Bảo Lạc A - thủy điện Thượng Hà	ACSR240	1	10	
1.11	Nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV thủy điện Mỹ Hưng chuyển tiếp trên đường dây 110kV thủy điện Thuận Hòa - thủy điện Thác Xăng	ACSR300	2	2	
1.12	Đường dây 110kV Điện gió số 2 khu vực huyện Bảo Lạc - Bảo Lâm	ACSR240	1	5	
1.13	Đường dây 110kV mạch kép từ trạm 110kV Nguyên Bình đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Cao Bằng - Hòa An	ACSR240	2	36	
1.14	Nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Hòa Thuận chuyển tiếp trên đường dây 110kV thủy điện Hòa Thuận - thủy điện Thác Xăng	ACSR300	2	6	
1.15	Đường dây từ trạm 220kV Bảo Lâm - Hòa An	ACSR240	1	50	
1.16	Nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Thông Nông chuyển tiếp trên đường dây 110kV Bảo Lâm - Hòa An	ACSR240	2	2	
1.17	Đường dây 110kV từ thanh cái 110kV trạm 220kV Bảo Lâm – Mèo Vạc – Yên Minh	ACSR240	1	45	

TT	Tuyến đường dây	Tiết diện (mm <sup>2</sup> )	Quy mô		Ghi chú
1.18	Nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Thạch An chuyên tiếp trên đường dây 110kV thủy điện Hòa Thuận - Trảng Định (tỉnh Lạng Sơn)	ACSR300	2	5	
1.19	Nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Hà Quảng chuyên tiếp trên đường dây 110kV Hòa An - Bảo Lâm	ACSR240	2	20	
<b>2</b>	<b>Cải tạo</b>				
2.1	Cải tạo đường dây 110kV Quảng Uyên - Lạng Sơn	Từ ACSR185 lên ACSR300	1	102	
2.2	Cải tạo đường dây 110kV Cao Bằng - Bắc Kạn	Từ ACSR185 lên ACSR300	1	79	
<b>B</b>	<b>Giai đoạn sau năm 2030</b>	Tiếp tục nâng cấp các đường dây theo nhu cầu thực tế.			

**Ghi chú:** Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường dây phải căn cứ theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chiều dài đường dây sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.



**Phụ lục VII**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI TỈNH CAO BẰNG**  
**THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Sửa chữa, nâng cấp</b>		
1	Hồ Bản Viêt	Huyện Trùng Khánh	
2	Hồ Bản Nưa	Huyện Hà Quảng	
3	Hồ Khuổi Lái	Huyện Hòa An	
4	Hồ Nà Tấu	Huyện Hòa An	
5	Hồ Nà Lái	Huyện Quảng Hòa	
6	Hồ Phia Gào	Huyện Hòa An	
7	Hồ Khuổi Áng	Huyện Hòa An	
8	Hồ Nà Tậu	Huyện Thạch An	
9	Hồ Co Po	Huyện Thạch An	
10	Hồ Cao Thặng	Huyện Trùng Khánh	
11	Hồ Khuổi Kỳ	Huyện Hà Quảng	
12	Hồ Nà Vàng	Huyện Thạch An	
13	Hồ Thôm Rào	Huyện Hạ Lang	
14	Hồ Khuổi Kéo	Huyện Trùng Khánh	
15	Hồ Nà Danh	Huyện Thạch An	
16	Hồ Thôm Cải	Huyện Hà Quảng	
17	Hồ Thôm Luông	Huyện Nguyên Bình	
<b>II</b>	<b>Xây dựng mới</b>		
1	Hồ Khuổi Dáng	Huyện Hòa An	
2	Hồ Khuổi Nám	Huyện Hòa An	
3	Hồ Pác Thặng	Huyện Hạ Lang	
4	Hồ Khuổi Khoang	Huyện Hạ Lang	
5	Hồ Khưa Khọn	Huyện Hạ Lang	
6	Hồ Nà Vị (Nà Quán)	Huyện Hạ Lang	

<b>TT</b>	<b>Danh mục dự án</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Ghi chú</b>
7	Hồ Khau Lũng	Huyện Trùng Khánh	
8	Cụm hồ Khuổi Siêm và TTN xã Xuân Nội	Huyện Trùng Khánh	
9	Hồ Khuổi Miều	Huyện Hà Quảng	
10	Hồ Khuổi Rà	Huyện Hà Quảng	
11	Hồ Răng Vỉ	Huyện Quảng Hòa	
12	Hồ Nà Chi bản Vạn	Huyện Trùng Khánh	
13	Hồ Khuổi Vàng	Huyện Thạch An	

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư.
- Các công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh sẽ được xác định tại các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành và quy hoạch nông thôn.

## Phụ lục VIII

### PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ CÔNG TRÌNH Y TẾ TỈNH CAO BẰNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Cơ sở y tế	Địa chỉ, vị trí
<b>A</b>	<b>Cơ sở y tế tuyến tỉnh</b>	
<b>I</b>	<b>Cải tạo, nâng cấp</b>	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	TP. Cao Bằng
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	TP. Cao Bằng
3	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	TP. Cao Bằng
4	Trung tâm Pháp y	TP. Cao Bằng
<b>II</b>	<b>Xây dựng mới</b>	
1	Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng	TP. Cao Bằng
2	Bệnh viện lão khoa tỉnh Cao Bằng.	TP. Cao Bằng
3	Bệnh viện Truyền nhiễm tỉnh Cao Bằng	TP. Cao Bằng
<b>B</b>	<b>Cơ sở y tế tuyến huyện</b>	
	<b>Cải tạo, nâng cấp</b>	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Hà Quảng	Huyện Hà Quảng
2	Bệnh viện đa khoa huyện Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh
3	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Hòa	Huyện Quảng Hòa
4	Bệnh viện Tĩnh Túc (cơ sở 1 và 2)	Huyện Nguyên Bình
5	Trung tâm y tế huyện Bảo Lâm (cơ sở 1 và 2)	Huyện Bảo Lâm
6	Trung tâm y tế huyện Bảo Lạc	Huyện Bảo Lạc
7	Trung tâm y tế huyện Nguyên Bình	Huyện Nguyên Bình
8	Trung tâm y tế huyện Hòa An	Huyện Hòa An
9	Trung tâm y tế huyện Hà Quảng (cơ sở 1, 2)	Huyện Hà Quảng

<b>TT</b>	<b>Cơ sở y tế</b>	<b>Địa chỉ, vị trí</b>
10	Trung tâm y tế huyện Thạch An	Huyện Thạch An
11	Trung tâm y tế huyện Hạ Lang (cơ sở 1 và 2)	Huyện Hạ Lang
12	Trung tâm y tế huyện Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh
13	Trung tâm y tế huyện Quảng Hòa	Huyện Quảng Hòa
14	Trung tâm y tế thành phố Cao Bằng	TP. Cao Bằng

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư.
- Các công trình cơ sở y tế tuyến xã sẽ được xác định tại các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành và quy hoạch đô thị, nông thôn.

**Phụ lục IX**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC -**  
**ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH CAO BẰNG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp</b>	<b>Địa điểm</b>
<b>A</b>	<b>Giáo dục đào tạo</b>	
<b>I</b>	<b>Trường Cao đẳng, Đại học</b>	
	Cải tạo, nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
<b>II</b>	<b>Trung tâm giáo dục thường xuyên</b>	
	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm GDTX tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
<b>III</b>	<b>Trường trung học phổ thông (THPT)</b>	
<b>1</b>	<b><i>Xây dựng mới</i></b>	
	Trường THPT Chuyên tỉnh	Thành phố Cao Bằng
<b>2</b>	<b><i>Cải tạo, nâng cấp</i></b>	
2.1	Trường THPT Bản Ngà	Huyện Bảo Lạc
2.2	Trường THPT Bằng Ca	Huyện Hạ Lang
2.3	Trường THPT Bảo Lạc	Huyện Bảo Lạc
2.4	Trường THPT Bảo Lâm	Huyện Bảo Lâm
2.5	Trường THPT Bé Văn Đàn	Thành phố Cao Bằng
2.6	Trường THPT Cách Linh	Huyện Quảng Hòa
2.7	Trường THPT Canh Tân	Huyện Thạch An
2.8	Trường THPT Cao Bình	Thành phố Cao Bằng
2.9	Trường THPT Đàm Quang Trung	Huyện Hà Quảng
2.10	Trường THPT Đống Đa	Huyện Quảng Hòa
2.11	Trường THPT Hạ Lang	Huyện Hạ Lang
2.12	Trường THPT Hòa An	Huyện Hòa An
2.13	Trường THPT Lục Khu	Huyện Hà Quảng
2.14	Trường THPT Lý Bôn	Huyện Bảo Lâm
2.15	Trường THPT Nà Bao	Huyện Nguyên Bình

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp</b>	<b>Địa điểm</b>
2.16	Trường THPT Nà Giảng	Huyện Hà Quảng
2.17	Trường THPT Nguyên Bình	Huyện Nguyên Bình
2.18	Trường THPT Phục Hòa	Huyện Quảng Hòa
2.19	Trường THPT Pò Tấu	Huyện Trùng Khánh
2.20	Trường THPT Quang Trung	Huyện Trùng Khánh
2.21	Trường THPT Quảng Uyên	Huyện Quảng Hòa
2.22	Trường THPT Thạch An	Huyện Thạch An
2.23	Trường THPT Thành phố Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
2.24	Trường THPT Thông Huệ	Huyện Trùng Khánh
2.25	Trường THPT Thông Nông	Huyện Hà Quảng
2.26	Trường THPT Tĩnh Túc	Huyện Nguyên Bình
2.27	Trường THPT Trà Lĩnh	Huyện Trùng Khánh
2.28	Trường THPT Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh
<b>IV</b>	<b>Trường Phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT)</b>	
	<i>Cải tạo, nâng cấp</i>	
1	Trường PTDTNT huyện Bảo Lạc	Huyện Bảo Lạc
2	Trường PTDTNT Bảo Lâm	Huyện Bảo Lâm
3	Trường PTDTNT huyện Hà Quảng	Huyện Hà Quảng
4	Trường PTDTNT huyện Hạ Lang	Huyện Hạ Lang
5	Trường PTDTNT huyện Hòa An	Huyện Hòa An
6	Trường PTDTNT huyện Nguyên Bình	Huyện Nguyên Bình
7	Trường PTDTNT THCS Phục Hòa	Huyện Quảng Hòa
8	Trường PTDTNT THCS Quảng Uyên	Huyện Quảng Hòa
9	Trường PTDTNT Thạch An	Huyện Thạch An
10	Trường PTDTNT THCS Thông Nông	Huyện Hà Quảng
11	Trường PTDTNT THCS Trà Lĩnh	Huyện Trùng Khánh
12	Trường PTDTNT huyện Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh
13	Trường PTDTNT tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
<b>B</b>	<b>Giáo dục nghề nghiệp (GDNN)</b>	
	<i>Cải tạo, nâng cấp</i>	
1	Trường Cao đẳng nghề Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp</b>	<b>Địa điểm</b>
2	Trường Cao đẳng nghề Cao Bằng (cơ sở 2)	Huyện Hoà An
3	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bảo Lâm	Huyện Bảo Lâm
4	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bảo Lạc	Huyện Bảo Lạc
5	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nguyên Bình	Huyện Nguyên Bình
6	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hòa An	Huyện Hòa An
7	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hà Quảng	Huyện Hà Quảng
8	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hạ Lang	Huyện Hạ Lang
9	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh
10	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Quảng Hòa	Huyện Quảng Hoà
11	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thạch An	Huyện Thạch An
<b>C</b>	<b>Các cơ sở khác có tham gia đào tạo nghề nghiệp</b>	
<b>I</b>	<b>Xây dựng mới</b>	
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	Thành phố Cao Bằng
<b>II</b>	<b>Cải tạo, nâng cấp</b>	
1	Trung tâm Hỗ trợ Nông dân và Giáo dục nghề nghiệp	Thành phố Cao Bằng
2	Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ tỉnh Cao Bằng	Huyện Hòa An
3	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Thành phố Cao Bằng
4	Trung tâm Dạy nghề người tàn tật Học Yên	Thành phố Cao Bằng

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư.
- Các cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác sẽ được xác định tại các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành và quy hoạch đô thị, nông thôn.

**Phụ lục X**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ VĂN HÓA, THỂ DỤC**  
**THỂ THAO TỈNH CAO BẰNG THỜI KỲ 2021 - 2030,**  
**TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên di tích/cơ sở văn hóa/cơ sở thể thao</b>	<b>Địa điểm</b>
<b>A</b>	<b>Văn hóa</b>	
<b>I</b>	<b>Cải tạo, nâng cấp</b>	
1	Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950 huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Huyện Thạch An
2	Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Huyện Hà Quảng
3	Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Huyện Nguyên Bình
4	Di tích lịch sử quốc gia Bia Ngự Chế năm 1431 và Bia Câu Thủy năm 1702	Huyện Hòa An
5	Bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị Bảo vật Quốc gia Bia Ma Nhai Ngự Chế của Vua Lê Thái Tổ xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.	Huyện Hòa An
6	Tu bổ, tôn tạo 02 Góc chuông bảo quản Bảo vật quốc gia Đôi chuông Chùa Viên Minh và Đền Quan Triều, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	Thành phố Cao Bằng
7	Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng chiến dịch Biên giới năm 1950.	Huyện Thạch An
8	Di tích Nhà Sờ Chỉ huy chiến dịch Biên giới năm 1950, xã Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.	Huyện Thạch An
9	Di tích lịch sử nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ chỉ huy chiến dịch biên giới ở và làm việc (nhà ông Lã Văn Ho) xã Quốc Phong (nay là thị trấn Quảng Uyên), huyện Quảng Hòa.	Huyện Quảng Hòa
10	Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh mở lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ chủ chốt của tỉnh Cao Bằng tháng 5/1942.	Huyện Nguyên Bình



<b>TT</b>	<b>Tên di tích/cơ sở văn hóa/cơ sở thể thao</b>	<b>Địa điểm</b>
11	Cơ sở vật chất, thiết bị Đoàn Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng	TP Cao Bằng
<b>II</b>	<b><i>Xây dựng mới</i></b>	
	Bảo tàng tỉnh Cao Bằng	TP Cao Bằng
<b>B</b>	<b>Thể dục, thể thao</b>	
<b>I</b>	<b><i>Cải tạo, nâng cấp</i></b>	
1	Sân vận động thành phố Cao Bằng	TP Cao Bằng
2	Nhà thi đấu thể dục thể thao tỉnh Cao Bằng	TP Cao Bằng
<b>II</b>	<b><i>Xây dựng mới</i></b>	
	Khu liên hợp thể thao tỉnh Cao Bằng	TP Cao Bằng

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư.
- Các công trình văn hóa, thể thao khác sẽ được xác định tại các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành và quy hoạch đô thị, nông thôn.

**Phụ lục XI**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ AN SINH XÃ HỘI**  
**TỈNH CAO BẰNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
<b>I</b>	<b>Cải tạo, nâng cấp</b>	
1	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
2	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng tâm thần	Thành phố Cao Bằng
3	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cao Bằng	Huyện Hòa An
4	Trung tâm điều dưỡng người có công và chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
5	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh	Thành phố Cao Bằng
<b>II</b>	<b>Xây dựng mới</b>	
1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
2	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật huyện Hòa An	Huyện Hòa An
3	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật huyện Bảo Lạc	Huyện Bảo Lạc
4	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật huyện Quảng Hòa	Huyện Quảng Hòa

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư.
- Các công trình an sinh xã hội khác sẽ được xác định tại các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành và quy hoạch đô thị, nông thôn.

**Phụ lục XII**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG TRÌNH TRỤ SỞ ĐỘI**  
**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY TỈNH CAO BẰNG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên trụ sở	Địa điểm
1	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại phường Đề Thám	TP Cao Bằng
2	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại xã Hưng Đạo	TP Cao Bằng
3	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại xã Chu Trinh	TP Cao Bằng
4	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại huyện Hòa An	Huyện Hòa An
5	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại huyện Hà Quảng	Huyện Hà Quảng
6	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại huyện Thạch An	Huyện Thạch An
7	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại huyện Quảng Hòa	Huyện Quảng Hòa
8	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại huyện Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh
9	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại huyện Hạ Lang	Huyện Hạ Lang
10	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại huyện Nguyên Bình	Huyện Nguyên Bình
11	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại huyện Bảo Lạc	Huyện Bảo Lạc
12	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại huyện Bảo Lâm	Huyện Bảo Lâm

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô trụ sở đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và lập, phê duyệt dự án đầu tư.

**Phụ lục XIII**

**CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH CAO BẰNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Chỉ tiêu đất theo QĐ số 326/QĐ-TTg (ha)	Diện tích đề xuất theo nhu cầu của tỉnh (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	623.046	92,99	630.316	609.783
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	35.170	5,25	34.527	33.599
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	4.109	0,61	4.186	3.844
1.2	Đất rừng phòng hộ	293.560	43,82	268.898	268.398
1.3	Đất rừng đặc dụng	17.368	2,59	24.261	20.779
1.4	Đất rừng sản xuất	201.455	30,07	228.167	213.658
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	138.900	20,73	115.389	136.900
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	30.839	4,6	38.346	44.562
	Trong đó:				
2.1	Đất khu công nghiệp	-	-	197	201
2.2	Đất quốc phòng	1.795	0,27	2.849	2.849
2.3	Đất an ninh	63	0,01	91	167
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	13.791	2,06	16.796	
-	Đất giao thông	11.501	1,72	13.261	15.015
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	18	0	70	91
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	83	0,01	114	114
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	387	0,06	474	474
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	50	0,01	126	350
-	Đất công trình năng lượng	1.086	0,16	1.790	2.023
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	8	0	21	21

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Chỉ tiêu đất theo QĐ số 326/QĐ-TTg (ha)	Diện tích đề xuất theo nhu cầu của tỉnh (ha)
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	-	-	-	
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	92	0,01	166	166
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	103	0,02	167	196
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	16.154	2,41	1.377	
3.1	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng			14.777	519
3.2	Đất chưa sử dụng còn lại	16.154	2,41	1.377	15.694
<b>4</b>	<b>Đất khu kinh tế</b>	253	0,04	30.130	30.130
<b>5</b>	<b>Đất khu công nghệ cao</b>				
<b>6</b>	<b>Đất đô thị</b>	34.619	5,17	40.108	40.108

**Ghi chú:** Chỉ tiêu phân bổ đất nêu trên tuân thủ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025. Trong quá trình triển khai sẽ thực hiện theo Quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền. Đối với chỉ tiêu sử dụng đất an ninh, đất quốc phòng và đất rừng thực hiện theo quy hoạch cấp cao hơn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Phụ lục XIV**  
**PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG TỈNH CAO BẰNG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên vùng/tiểu vùng	Ký hiệu	Phạm vi/ vị trí
<b>I</b>	<b>Vùng bảo vệ nghiêm ngặt</b>	C	
1	Tiểu vùng khu dân cư tập trung ở các phường nội thành đô thị loại III	C1	Nội thị Thành phố Cao Bằng
2	Tiểu vùng Vườn quốc gia Phja Oắc – Phja Đén	C2	Huyện Nguyên Bình
3	Tiểu vùng Khu bảo tồn loài sinh cảnh	C3	Huyện Trùng Khánh
4	Tiểu vùng khu bảo vệ cảnh quan	C4	Trùng Khánh, Hòa An, Hà Quảng, Thạch An, Nguyên Bình
5	Tiểu vùng khu bảo vệ I của di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng	C5	
6	Nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	C6	
7	Cụm, điểm di sản trong vùng Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng	C7	Trùng Khánh, Hạ Lang, Nguyên Bình, Hoà An, Thạch An, Quảng Hoà
<b>II</b>	<b>Vùng hạn chế phát thải</b>	R	
1	Tiểu vùng đệm vườn quốc gia	R1	
2	Tiểu vùng đệm Khu bảo tồn loài sinh cảnh	R2	Huyện Trùng Khánh
3	Tiểu vùng đệm khu bảo vệ cảnh quan	R3	Trùng Khánh, Hòa An, Hà Quảng, Thạch An, Nguyên Bình
4	Tiểu vùng khu văn hóa – di tích – lịch sử	R4	
5	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	R5	
6	Tiểu vùng các khu dân cư tập trung nội thị tại các đô thị loại IV, V	R6	
<b>III</b>	<b>Vùng khác</b>	D	
	Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh		

**Phụ lục XV**  
**PHƯƠNG ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN**  
**TỈNH CAO BẰNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>STT</b>	<b>Loại Khoáng sản</b>	<b>Số lượng khu mỏ</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Khoáng sản kim loại</b>		
1	Antimon	7	
2	Bô-xít	23	
3	Chì kẽm	6	
4	Đồng	1	
5	Mangan	21	
6	Niken - đồng	1	
7	Sắt	22	
8	Thiếc	11	
9	Vàng	21	
<b>II</b>	<b>Khoáng chất công nghiệp</b>		
1	Bột màu	1	
2	Travetin	1	
<b>III</b>	<b>Khoáng sản nhiên liệu</b>		
	Than	1	
<b>IV</b>	<b>Vật liệu xây dựng</b>		
1	Barit	6	
2	Kaolin	1	

STT	Loại Khoáng sản	Số lượng khu mỏ	Ghi chú
3	Đá silic	1	
4	Dolomit	5	
5	Thạch anh	1	
<b>IV</b>	<b>Vật liệu xây dựng thông thường</b>		
1	Mỏ sét gạch ngói	11	
2	Mỏ cát, sỏi	46	
3	Mỏ đá xây dựng	96	
4	Đất san lấp	27	

**Ghi chú:** Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan đề rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của Tỉnh và các quy định hiện hành. Các khu vực bãi thải của mỏ có quyết định đóng cửa mỏ và các khu vực khoáng sản được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thì quy mô diện tích, công suất, giai đoạn theo dự án đầu tư, đề án thăm dò được lập và phê duyệt. Đối với một số khu vực mỏ, khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Các công trình phụ trợ cho khai thác mỏ như đường kết nối vào mỏ, khu nghiền sàng, chế biến khoáng sản... sẽ được xác định tại quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch nông thôn và trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ.



**Phụ lục XVI**  
**ĐỊNH HƯỚNG PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG NGUỒN NƯỚC**  
**TỈNH CAO BẰNG THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Nguồn nước	Vị trí		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được đến năm 2030 theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT
		Điểm đầu	Điểm cuối		
1	Sông Bằng Giang	Huyện Hà Quảng	Huyện Quảng Hòa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp nước cho sinh hoạt</li> <li>- Cấp nước cho du lịch, dịch vụ</li> <li>- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp</li> <li>- Cấp nước cho sản xuất công nghiệp</li> <li>- Sử dụng cho giao thông thủy</li> <li>- Sử dụng cho thủy điện</li> </ul>	Hạng A2
2	Sông Hiến	Huyện Nguyên Bình	Thành phố Cao Bằng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp nước cho sinh hoạt</li> <li>- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp</li> <li>- Cấp nước cho sản xuất công nghiệp</li> <li>- Sử dụng cho thủy điện</li> </ul>	Hạng A2
3	Sông Minh Khai	Huyện Thạch An	Huyện Hòa An	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp</li> </ul>	Hạng A2
4	Sông Tả Cáy	Huyện Nguyên Bình	Huyện Nguyên Bình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp</li> </ul>	Hạng A2
5	Suối Nậm Cung	Huyện Thạch An	Huyện Thạch An	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp</li> </ul>	Hạng A2
6	Sông Nguyên Bình	Huyện Nguyên Bình	Huyện Hòa An	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp</li> </ul>	Hạng A2
7	Sông Rẻ Rào	Huyện Hà Quảng	Huyện Hòa An	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp</li> </ul>	Hạng A2
8	Sông Vọng Bắc	Huyện Trùng Khánh	Huyện Quảng Hòa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp</li> </ul>	Hạng A2

TT	Nguồn nước	Vị trí		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được đến năm 2030 theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT
		Điểm đầu	Điểm cuối		
9	Sông Vi Vọng	Huyện Quảng Hòa	Huyện Quảng Hòa	- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng A2
10	Sông Tán Bôm	Huyện Hà Quảng	Huyện Hòa An	- Cấp nước cho du lịch, dịch vụ	Hạng A2
11	Sông Quây Sơn	Huyện Trùng Khánh	Huyện Hạ Lang	- Cấp nước cho nông nghiệp - Cấp nước cho du lịch, dịch vụ	Hạng A2
12	Sông Gâm	Huyện Bảo Lạc	Huyện Bảo Lâm	- Cấp nước cho sinh hoạt - Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp - Sử dụng cho thủy điện - Cấp nước cho du lịch, dịch vụ - Sử dụng cho thủy điện	Hạng A2
13	Sông Nho Quế	Huyện Bảo Lâm	Huyện Bảo Lâm	- Cấp nước cho nông nghiệp - Cấp nước cho du lịch, dịch vụ - Sử dụng cho thủy điện	Hạng A2
14	Sông Năng	Huyện Bảo Lâm	Huyện Nguyên Bình	- Cấp nước cho nông nghiệp - Cấp nước cho công nghiệp - Sử dụng cho thủy điện	Hạng A2
15	Suối Gùn	Huyện Hòa An	Thành phố Cao Bằng	- Cấp nước cho nông nghiệp - Cấp nước cho công nghiệp - Sử dụng cho thủy điện	Hạng A2

**Phụ lục XVII**  
**PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TẠI TỈNH CAO BẰNG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Danh mục công trình</b>	<b>Địa điểm</b>
<b>I</b>	<b>Công trình phòng chống thiên tai cần cải tạo, nâng cấp</b>	
	Nâng cấp, sửa chữa các công trình kè sông, suối	Các huyện, thành phố
<b>II</b>	<b>Công trình phòng chống thiên tai cần xây mới</b>	
1	Kè bờ phải Sông Hiến thuộc TP Cao Bằng (từ đầu cầu ngầm thành phố đến xã Hòa Trung và kè bờ suối Cùn)	TP Cao Bằng
2	Kè sông Bằng thuộc TP Cao Bằng và huyện Hòa An (từ P.Sông Bằng đến P.Đề Thám đến xã Hưng Đạo - TP Cao Bằng và đoạn xóm Thác Tháy- Đức Long; TT. Nước Hai; xã Bình Long thuộc huyện Hòa An)	TP Cao Bằng và huyện Hòa An
3	Kè chống xói lở bờ sông Quây Sơn khu vực xã Ngọc Côn, xã Đình Phong, xã Chí Viễn	Huyện Trùng Khánh
4	Kè chống sạt lở sông Gâm, bờ suối Nà Mo khu vực TT. Pác Miều	Huyện Bảo Lâm
5	Kè chống sạt lở bờ sông suối bảo vệ dân cư các huyện	Các huyện

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư.
- Các công trình phòng chống thiên tai khác sẽ được xác định tại các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành và quy hoạch đô thị, nông thôn.

**Phụ lục XVIII**  
**DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	
1	Đầu tư Xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh.	Huyện Hòa An
2	Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Cao Bằng	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
3	Dự án vùng trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu	Các huyện, thành phố
4	Dự án đầu tư trang trại chăn nuôi lợn	Các huyện, thành phố
5	Dự án đầu tư chăn nuôi trâu, bò thịt	Các huyện, thành phố
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực công nghiệp - điện</b>	
<b>1</b>	<b>Chế biến, chế tạo</b>	
1.1	Xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm từ cây Thạch đen	Huyện Thạch An
1.2	Dự án nhà máy sắt sộp và phôi thép	Tỉnh Cao Bằng
1.3	Khu liên hợp gang thép Cao Bằng	Thành phố
1.4	Nhà máy sản xuất Dioxit mangan điện giải và Feromangan	Tỉnh Cao Bằng
1.5	Nhà máy chế biến chì kẽm	Tỉnh Cao Bằng
1.6	Dự án hạ tầng Khu công nghiệp Chu Trinh, tỉnh Cao Bằng	Thành phố
1.7	Nhà máy chiết xuất tinh dầu quế	Huyện Nguyên Bình
1.8	Nhà máy chế biến dược liệu, khu trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao	Huyện Nguyên Bình
1.9	Nhà máy sản xuất phôi tre ép công nghiệp và các sản phẩm từ tre	Huyện Hòa An
1.10	Nhà máy chế biến các sản phẩm từ nông, lâm nghiệp	Các huyện, thành phố
<b>2</b>	<b>Thủy điện</b>	
2.1	Dự án thủy điện Mỹ Hưng	Huyện Quảng Hòa
2.2	Dự án thủy điện Thành Công	Huyện Nguyên Bình
2.3	Dự án thủy điện Bản Chiếu	Huyện Nguyên Bình

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm đầu tư</b>
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực dịch vụ</b>	
<b>1</b>	<b>Thương mại</b>	
1.1	Cải tạo, nâng cấp khu vực cửa khẩu Sóc Giang	Huyện Hà Quảng
1.2	Hạ tầng kỹ thuật tại khu vực cửa khẩu cửa khẩu Lý Vạn	Huyện Hạ Lang
1.3	Trung tâm thương mại, kho bãi và khu du lịch Lý Vạn	Huyện Hạ Lang
1.4	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cửa khẩu Tà Lùng	Huyện Quảng Hòa
1.5	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh	Huyện Trùng Khánh
1.6	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu vực cửa khẩu Pò Peo	Huyện Trùng Khánh
1.7	Trung tâm Logistics	Khu vực ngoại vi TP. Cao Bằng
1.8	Trung tâm hội chợ triển lãm	Thành phố Cao Bằng
1.9	Dự án cảng cạn ICD khu trung chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu nông sản tại khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh	Huyện Trùng Khánh
1.10	Trung tâm kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	Thành phố Cao Bằng
<b>2</b>	<b>Du lịch</b>	
2.1	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất tại các khu du lịch trọng điểm của tỉnh: Khu du lịch thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao, khu di tích Quốc gia đặc biệt Chiến thắng Biên giới năm 1950, khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó và khu di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo	Các huyện: Trùng Khánh, Thạch An, Hà Quảng và Nguyên Bình
2.2	Dự án phát triển dịch vụ vui chơi, giải trí khu vực ven sông Bằng	Thành phố Cao Bằng
2.3	Khu Du lịch sinh thái Suối Cùn	Huyện Hòa An
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu</b>	
1	Dự án nâng cấp sửa chữa hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi	Thành phố Cao Bằng và các huyện

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư
2	Dự án xây mới các công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi trên các hồ Khuổi Dáng, Khuổi Nám, Khuổi Vàng, Pác Thặng, Khuổi Khoang, Khưa Khon, Nà Vị, Nà Quán, Ràng Vi và cụm hồ Khuổi Siêm, hồ phân lũ, hồ chứa nước Nà Chi-Bản Vạng	Các huyện Hòa An, Thạch An, Hạ Lang, Quảng Hòa, Trùng Khánh
3	Dự án xây đập dâng nước, kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ dân cư	Thành phố Cao Bằng và các huyện
4	Xây dựng các công trình cấp, trữ nước vùng Lục Khu	Các huyện
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực giao thông vận tải</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205	Huyện Quảng Hòa
2	Đường giao thông Đồn biên phòng Cốc Pàng (155) ra các mốc từ 520 đến 534	Huyện Bảo Lạc
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Chu Trinh (TPCB) - Hồng Nam (huyện Hòa An)	TP. Cao Bằng, H. Hòa An
4	Cầu và đường nối QL34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh CB	Huyện Bảo Lâm
5	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 204 (đoạn Thị trấn Thông Nông - xã Cần Yên), huyện Hà Quảng, lý trình Km27 - Km45+300	Huyện Hà Quảng
6	Cải tạo, nâng cấp ĐT.201 (Nguyễn Huệ - Hồng Việt - Nà Boa - Hoa Thanh)	H. Hòa An; H. Nguyên Bình
7	Cải tạo, nâng cấp ĐT.202 (Ca Thành - Pác Lũng - Phan Thanh - Bảo Lạc - Cô Ba - Mốc 589)	H. Nguyên Bình; H. Bảo Lạc
8	Cải tạo, nâng cấp ĐT.203	TP Cao Bằng
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị trấn Xuân Hòa đến thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng (bao gồm đoạn Mỏ Sắt - Quý Quân - Xuân Hòa)	Huyện Hà Quảng, huyện Hòa An
10	Cải tạo, nâng cấp ĐT.204 (Năm Thoong - Thông Nông - Cần Yên)	Huyện Hà Quảng
11	Cải tạo, nâng cấp ĐT.205	Tỉnh Cao Bằng
12	Cải tạo, nâng cấp ĐT.206 (Quảng Uyên - Trùng Khánh - Bản Giốc - Bằng Ca; đoạn tránh TT Quảng Uyên; đoạn tránh thác Bản Giốc)	Các huyện Quảng Hòa, Trùng Khánh

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm đầu tư</b>
13	Cải tạo, nâng cấp ĐT.207	Các huyện: Quảng Hòa, Hạ Lang
14	Cải tạo, nâng cấp ĐT.207A	H. Hạ Lang
15	Đường tỉnh 208, từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) - xã Cách Linh, Triệu Ấu (huyện Phục Hòa) - xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang) - xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh), tỉnh Cao Bằng	Các huyện: Thạch An, Phục Hòa, Hạ Lang, Trùng Khánh
16	Cải tạo, nâng cấp ĐT. 209	H. Thạch An
17	Cải tạo, nâng cấp ĐT. 209A	H. Thạch An
18	Cải tạo, nâng cấp ĐT.210 (Đức Long - Tà Lùng - Hắt Pát - Cô Ngân - Thị Hoa - Thống Nhất - Quang Long - Lý Quốc - Minh Long)	Đức Long - Minh Long
19	Cải tạo, nâng cấp ĐT.212 (Ngã 3 Pác Bó - Nà Bân)	Huyện Hà Quảng; Huyện Nguyên Bình
20	Cải tạo, nâng cấp ĐT.213 (Trùng Khánh - Pò Peo)	Huyện Trùng Khánh
21	Cải tạo, nâng cấp ĐT.214 (Nà Giàng - Quang Hán)	Các huyện Hà Quảng; Trùng Khánh
22	Cải tạo, nâng cấp ĐT.215	Các huyện: Hà Quảng, Bảo Lạc, Bảo Lâm
23	Nâng cấp đoạn Yên Thỏ - Công Bằng thành ĐT. 215	Huyện Bảo Lâm
24	Cải tạo, nâng cấp ĐT.215A	Huyện Bảo Lạc
25	Cải tạo, nâng cấp ĐT.216	Các huyện Hòa An, Nguyên Bình
26	Cải tạo và nâng cấp ĐT.217	Huyện Bảo Lạc
27	Cải tạo, nâng cấp ĐT.218	Huyện Nguyên Bình
28	Cải tạo, nâng cấp ĐT.219	
29	Cải tạo, nâng cấp ĐT.220	Huyện Bảo Lâm
30	Đ. Nội thị Bảo Lạc (QL 34 cũ)	
31	Đường nối QL.4A - cửa khẩu Nà Lạn xã Đức Long	Các huyện: Hòa An, Thạch An

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm đầu tư</b>
32	Đường thuộc KKT cửa khẩu	
33	Đường QL34 - đập Rắn Đầy (Thủy điện Nà Ngàn), xã Vũ Minh (huyện Nguyên Bình), xã Trương Lương (Huyện Hòa An)	Huyện Nguyên Bình và huyện Hòa An
34	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL34 - UBND xã Kim Cúc - Khau Sáng - UBND xã Vĩnh Quang - QL34	Các huyện: Bảo Lạc, Bảo Lâm
35	Đường QL34 - TL 217	Huyện Bảo Lạc
36	Đường giao thông tỉnh lộ 212 - Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn)	Huyện Nguyên Bình
37	Đường giao thông Cốc Đản - Ngân Sơn (tỉnh Bắc Kạn) - Thành Công - Khu rừng Trần Hưng Đạo	Huyện Nguyên Bình
38	Đường từ Quốc lộ 4A đến Đồn BP Quang Long, huyện Hạ Lang	Huyện Hạ Lang
39	Xây dựng đường nối từ Duyệt Trung (TP. Cao Bằng) đến xã Quảng Trung (H. Hòa An)	TP. Cao Bằng, Huyện Hòa An
40	Dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)	Các huyện: Thạch An, Quảng Hòa, Trùng Khánh và thành phố Cao Bằng
41	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4A đoạn từ huyện Hà Quảng nối với đường Cao tốc Lạng Sơn - Cao Bằng	Huyện Hà Quảng
42	Đầu tư xây dựng sân bay Cao Bằng	Huyện Hoà An
<b>VI</b>	<b>Hạ tầng đô thị, nông thôn và khu dân cư</b>	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới	Các huyện, thành phố
2	Dự án Bố trí ổn định dân cư tại chỗ vùng thiên tai, vùng biên giới và vùng đặc biệt khó khăn	Các huyện
3	Dự án đầu tư xây dựng các khu tái định cư	Các huyện, thành phố
4	Phát triển hạ tầng khu đô thị tại thành phố Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
5	Phát triển hạ tầng khu đô thị tại huyện Hoà An	Thị trấn Nước Hai
6	Phát triển hạ tầng khu đô thị tại huyện Quảng Hoà	Thị trấn: Quảng Uyên, Hoà Thuận, Tà Lùng
7	Phát triển hạ tầng khu đô thị tại huyện Trùng Khánh	Thị trấn: Trùng Khánh, Trà Lĩnh
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục</b>	
<b>1</b>	<b>Văn hóa, thể thao</b>	
1.1	Tu bổ, tôn tạo, nâng cấp Khu di tích Quốc gia đặc biệt	Huyện Thạch An



<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm đầu tư</b>
	di tích lịch sử địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950	
1.2	Trùng tu, tôn tạo các di tích gốc đầu nguồn Pác Bó thuộc khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Pác Bó	Huyện Hà Quảng
1.3	Tu bổ, nâng cấp khu lưu niệm đồng chí Hoàng Đình Giọng	Thành phố Cao Bằng
1.4	Bảo tàng tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
1.5	Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh	Thành phố Cao Bằng
<b>2</b>	<b>Giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp</b>	
2.1	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
2.2	Xây dựng mới Trường THPT Chuyên tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
2.3	Dự án cải tạo, sửa chữa, xây mới, mua sắm thiết bị phục vụ đào tạo tại cơ sở I Trường Trung cấp nghề Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
2.4	Dự án Xây dựng mới tại cơ sở II trường Trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng	Huyện Hòa An
2.5	Đầu tư xây dựng trường Cao đẳng nghề tỉnh Cao Bằng.	Thành phố Cao Bằng
<b>3</b>	<b>Y tế</b>	
3.1	Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng	Thành phố Cao Bằng
3.2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
3.3	Bệnh viện Lão khoa tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
3.4	Bệnh viện Truyền nhiễm tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
3.5	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
3.6	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Thành phố Cao Bằng
3.7	Bệnh viện đa khoa huyện Hà Quảng	Huyện Hà Quảng
3.8	Bệnh viện đa khoa huyện Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh
3.9	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Hòa	Huyện Quảng Hòa
3.10	Bệnh viện Tĩnh Túc (cơ sở 1)	Huyện Nguyên Bình
3.11	Bệnh viện Tĩnh Túc (cơ sở 2)	Huyện Nguyên Bình

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm đầu tư</b>
3.12	Mở rộng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị các trung tâm y tế tuyến huyện	Các huyện,
<b>4</b>	<b>Lĩnh vực bảo trợ xã hội</b>	
4.1	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
4.2	Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Cao Bằng (có thêm chức năng điều trị, chăm sóc đối tượng tâm thần)	Thành phố Cao Bằng
4.3	Cơ sở cai nghiện ma túy.	Huyện Hòa An
4.4	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
4.5	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
4.6	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi tỉnh Cao Bằng	TP Cao Bằng
4.7	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật huyện Hòa An	Thị trấn Nước Hai, Huyện Hòa An
4.8	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật huyện Bảo Lạc	Thị trấn Bảo Lạc, Huyện Bảo Lạc
4.9	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật huyện Quảng Hòa	Thị trấn Hòa Thuận, Huyện Quảng Hòa
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực khoa học công nghệ</b>	
1	Đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
2	Xây dựng trung tâm nghiên cứu, bảo tồn quỹ gen tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
3	Xây dựng Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
4	Đầu tư xây dựng Cơ sở dữ liệu và Hệ thống thông tin khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
5	Đầu tư xây dựng sàn giao dịch công nghệ và trung tâm chuyên giao công nghệ tỉnh Cao Bằng	Km3 Nà Cáp, TP Cao Bằng
6	Xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Cao Bằng.	Thành phố Cao Bằng
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực bưu chính, thông tin và truyền thông</b>	Thành phố Cao Bằng
1	Chuyển đổi, chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu các cơ quan nhà nước	Tỉnh Cao Bằng

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm đầu tư</b>
2	Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn liên tỉnh (bao gồm cả tuyến dự phòng): Cao Bằng - Lạng Sơn, Cao Bằng - Hà Giang, Cao Bằng - Bắc Kạn	Tỉnh Cao Bằng
3	Xây dựng Trung tâm logistics bưu chính (01 trung tâm bưu chính cấp tỉnh và 5 trung tâm bưu chính cấp huyện)	Thành phố Cao Bằng và các huyện
4	Phát triển hạ tầng mạng 5G	Tỉnh Cao Bằng
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực môi trường</b>	
1	Nhà máy cấp nước sạch	Huyện Trùng Khánh
2	Dự án hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	Tỉnh Cao Bằng
3	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng công trình cấp nước sạch	Huyện/thành phố
4	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải	Xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng
5	Khu xử lý rác thải tập trung	Huyện/thành phố
6	Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải	Huyện/thành phố
<b>XI</b>	<b>Lĩnh vực quốc phòng, an ninh</b>	
1	Đường giao thông Đồn Biên phòng Cản Yên - Xã Cản Nông (mốc 614)	Huyện Hà Quảng
2	Đường giao thông đồn Biên phòng Cốc Pàng (155) ra các Mốc từ 520 đến 534	Tỉnh Cao Bằng
3	Bốt kiểm soát, hàng rào biên giới, hàng rào ranh giới; đường cầu tuần tra biên giới trong Khu du lịch Thác Bản Giốc	Huyện Trùng Khánh
4	Chương trình nâng cao hiệu quả hoạt động của các đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy	Huyện/thành phố
5	Trụ sở làm việc Công an các cấp (tỉnh, huyện, xã/phường/thị trấn) trên địa bàn tỉnh	Huyện/thành phố
6	Trụ sở Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy trên địa bàn các huyện/ thành phố	Huyện/thành phố

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật và chuyên ngành, quy hoạch đô thị, nông thôn và lập, phê duyệt dự án đầu tư.

- Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

**Phụ lục XIX**  
**DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH CAO BẰNG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên bản đồ</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000